

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Gia Khánh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY DU LỊCH
QUỐC TẾ ĐÔNG Á**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Gia Khánh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Gia Khánh

Mã sinh viên: 1412401220

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán
tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp có quy mô lớn.
- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á , sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
- Địa chỉ : Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Văn Thụ*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Bùi Gia Khánh

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Văn Thụ**
Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**
Họ và tên sinh viên: **Bùi Gia Khánh** Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**
Đề tài tốt nghiệp: **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á**
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên **Bùi Gia Khánh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 28 tháng 10 năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Một doanh nghiệp dù có quy mô nhỏ hay lớn cũng luôn gắn liền với nhiều mối quan hệ như: quan hệ đối tác, quan hệ với các cơ quan nhà nước hoặc quan hệ chính trong nội bộ doanh nghiệp... Trong đó, quan hệ giữa các đối tác là các giao dịch trao đổi, buôn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cung cấp nguyên vật liệu.

Trong thời kỳ kinh tế nhiều biến động như hiện nay, đối mặt với nhiều khó khăn thử thách thì các doanh nghiệp nói chung và đối với Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á nói riêng cần phải có những biện pháp để củng cố và phát huy địa vị hơn nữa. Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á là công ty chuyên về dịch vụ du lịch nên phải đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán với người mua và người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một các tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là việc làm thật sự cần thiết và có ý nghĩa.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán cùng vốn kiến thức đã được học ở trường, em đã chọn đề tài “***Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á***” làm đề tài khóa luận.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.
- Mô tả: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.
- Qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- + Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

+ Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
- Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2017

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài. Bài viết đã tổng hợp các kiến thức liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo TT200/2014/QĐ – BTC ngày 22/12/2014. Số liệu được lấy để minh họa trong bài viết được lấy trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến nhà quản lý cũng như những người có liên quan về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài như hỏi về vấn đề áp dụng công nghệ thông tin vào công tác ghi chép sổ sách kế toán, về công tác theo dõi công nợ phải thu khách hàng.

5. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – **ThS. Nguyễn Văn Thụ**, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này .

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Các hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán: Là sự chuyển giao tài sản của một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán.

Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Hình thức thanh toán bằng tiền mặt:**

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hoặc các giấy tờ có giá trị
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng

- **Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt:**

Là hình thức thanh toán thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng.

Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là hình thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ. Hình thức này ngày càng được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền mặt trong lưu thông. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu:

Nhờ thu kèm chứng từ : là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.

Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy tờ ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước.

Hình thức tín dụng chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.

Nhờ thu phiếu trơn: Là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra, còn chứng từ gửi ngân hàng thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua (TK131)

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Tài khoản 131 dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng bán hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Chứng từ thu tiền: Phiếu thu, Giấy báo có Ngân hàng

- Biên bản bù trừ công nợ.
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- *Phải thu của khách hàng*. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại hay chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại cho khách hàng.
- Số tiền đã nhận ứng trước của khách hàng.

+ Số Dư Bên Nợ:

- Số tiền còn phải thu của khách hàng.

+ Số Dư Bên Có (nếu có):

Phản ánh số tiền đã nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

c. Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 131.
- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp TK 131.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(3). Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(4). Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá)

(5).Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(6). Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(7).Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

đ) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9). Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế

Có TK 3331 Tỷ giá thực tế

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111(1112), 112(1122): Tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111(1112), 112(1122) : Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 131 : Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (TK331)

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

+ Tài khoản 331 dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

+ Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

+ Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

+ Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

+ Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

+ Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp

dùng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Các chứng từ khác liên quan.

- **Tài khoản và sổ sách sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: *TK 331- phải trả cho người bán*. Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ;

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ ;

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

+ **Số dư bên Có:**

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp.
- Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ, số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ.

• **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán
- Sổ tổng hợp TK 331
- Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(3). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(4). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

(5). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

(6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(7). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(8). *Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:*

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

(9). *Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:*

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(10). *Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:*

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

(11). *Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ*

+ Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 621, 211 : tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 : tỷ giá thực tế

Có TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán - tỷ giá thực tế

+ Khi thanh toán :

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 : nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá

Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 : nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

Khi kế toán sử dụng tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế (là tỷ giá mua của ngân hàng) để đánh giá lại các khoản ngoại tệ là tiền mặt tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ghi:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lãi tỷ giá:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lỗ tỷ giá:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 111 (1112).

+ Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có thể tự xây dựng hệ thống sổ sách cho riêng mình. Tuy nhiên, trong trường hợp không tự xây dựng được các doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo TT 200/2014/TT-BTC. Các hình thức ghi sổ kế toán theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính áp dụng cho doanh nghiệp gồm 5 hình thức sau:

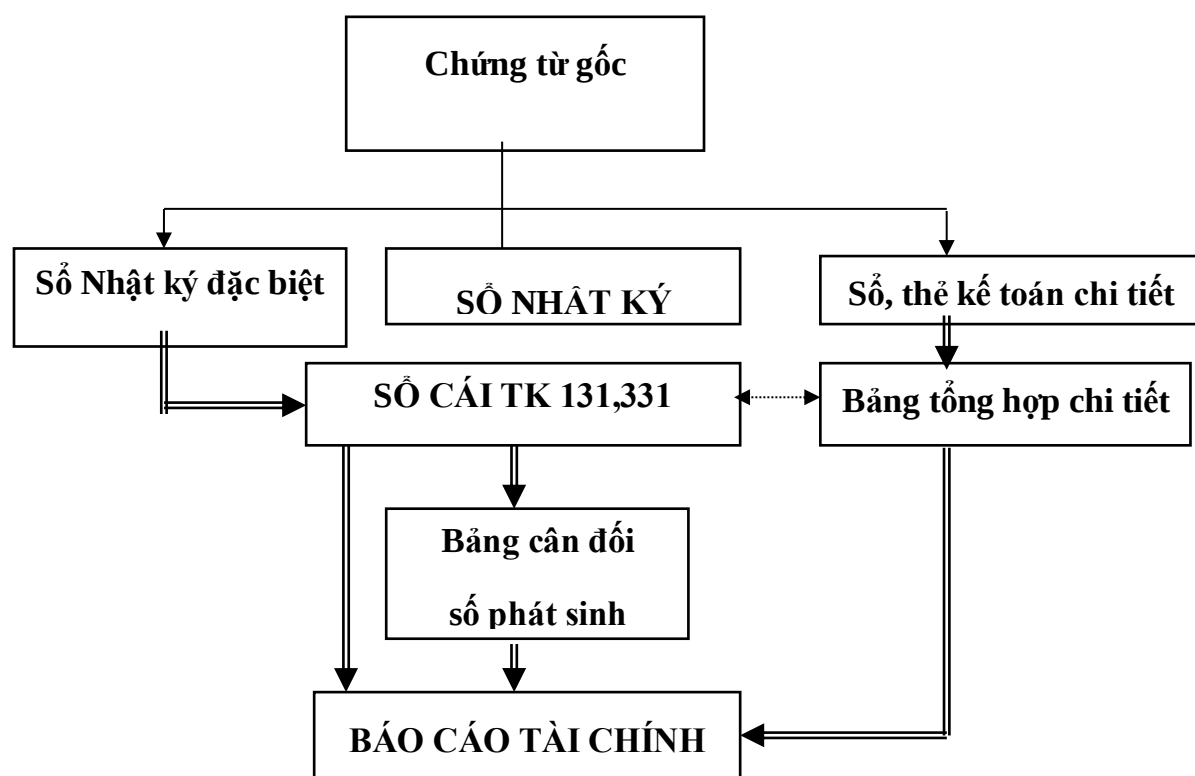
- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;

- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

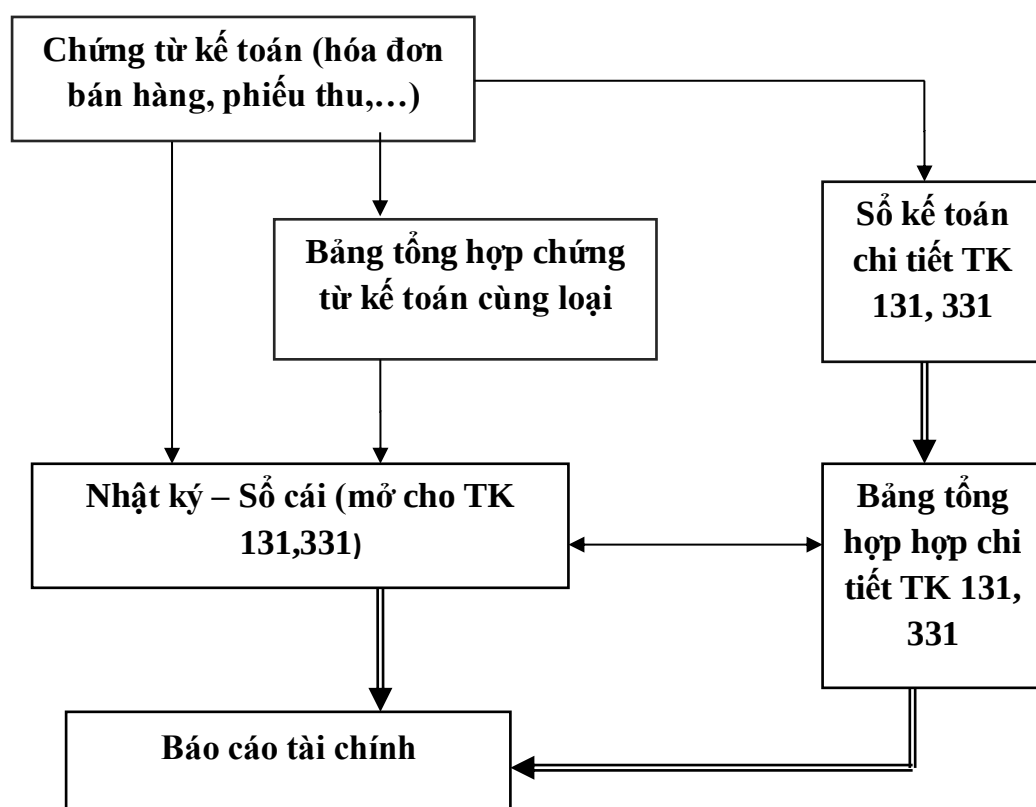
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký- Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.4.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

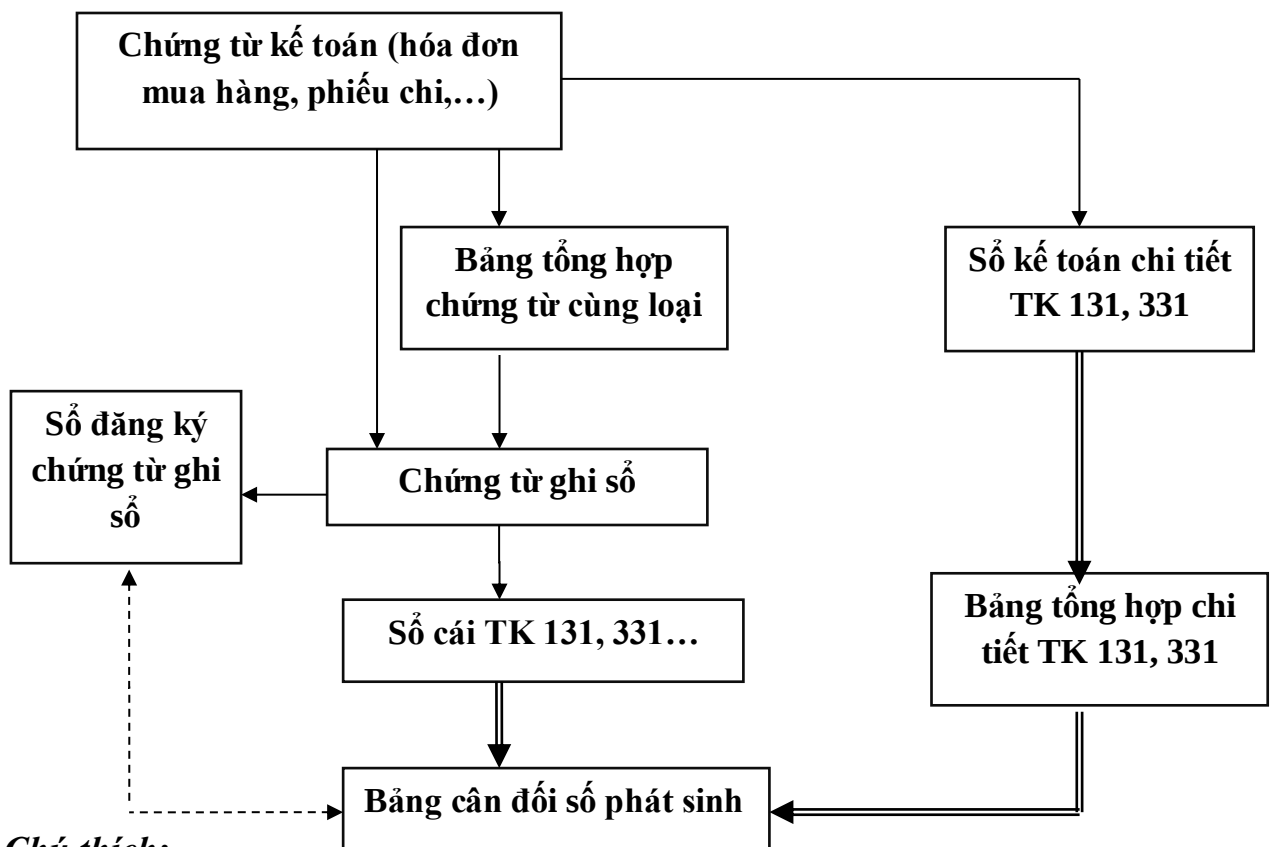
Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



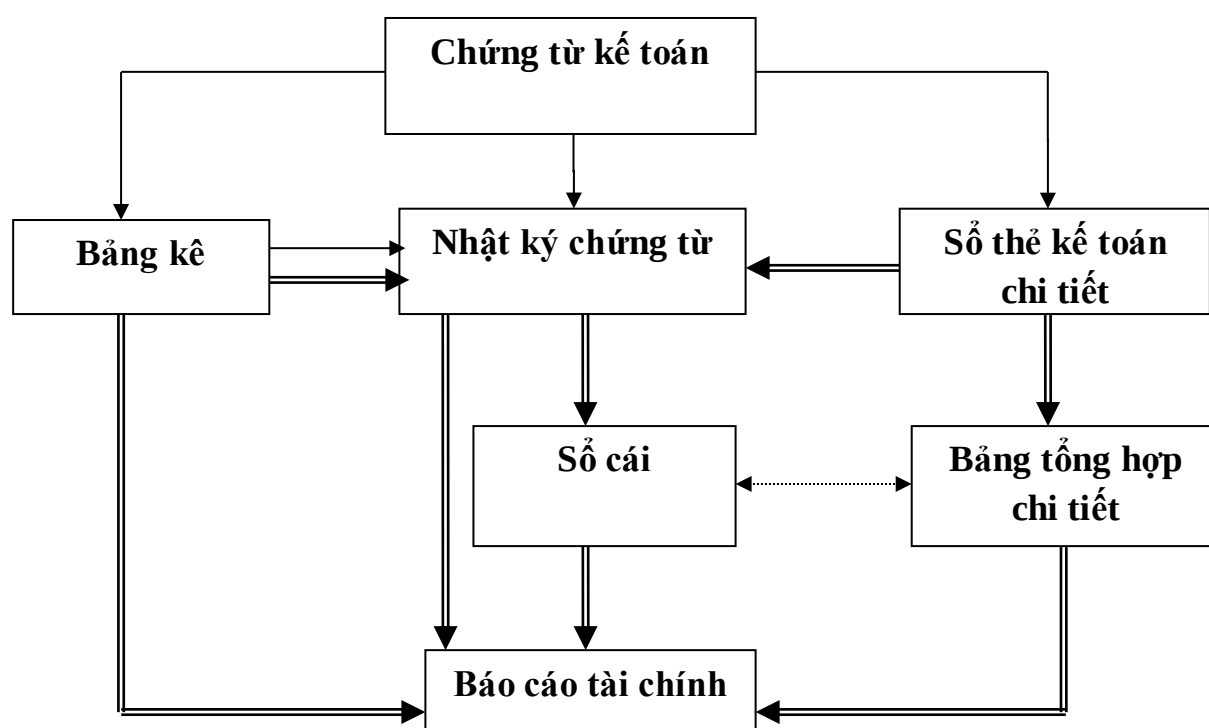
Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Hình thức Nhật ký-Chứng từ

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào Nhật ký- chứng từ hoặc bảng kê, Sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký- chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký- Chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký- Chứng từ.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.

1.4.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

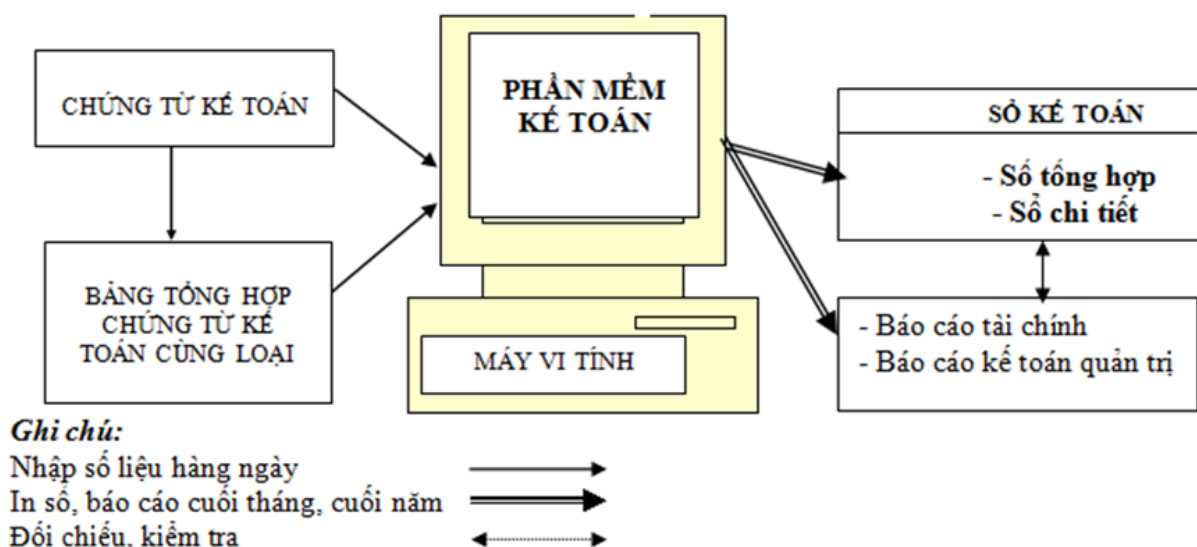
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á

2.1. Khái quát chung về Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển

- + Tên doanh nghiệp: Công ty Du Lịch Quốc Tế Đông Á
- + Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng
- + Mã số thuế: 0209957355
- + Tel: 0225.3608.522 - Hotline: 0915.920.198
- + Fax: 0225.3608.522
- + Email: dulichquocdongahp@gmail.com
- + Trang web: <http://dulichquocdonga.com>
- + Khẩu hiệu, nhiệm vụ: “ Nụ cười trên mỗi chuyến đi, chất lượng là danh dự”
- + Logo



Công ty Du Lịch Quốc Tế Đông Á được thành lập ngày 10/06/2006, hiện nay công ty có 50 nhân viên là những người có năng lực chuyên môn cao, nhiệt huyết, năng động và sáng tạo, chính những điều này đã giúp công ty thiết kế ra những tour du lịch mới, đầy sáng tạo, ấn tượng và chuyên nghiệp.

Từ khi thành lập đến nay công ty đã trải qua nhiều biến động kinh tế trong nước cũng như sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực. Đến nay công là một trong những đơn vị hoạt động có uy tín về hoạt động kinh

doanh lĩnh hành trong nước và quốc tế. Công ty mở rộng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển các hoạt động hợp tác đầu tư, xây dựng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, phát triển các sản phẩm du lịch gắn liền với hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao và hoàn thiện.

Do hoạt động kinh doanh du lịch có những đặc điểm trên nên việc hạch toán ở công ty là rất phức tạp và đa dạng. Việc tập hợp và phân bổ chi phí là rất khó khăn. Mặc dù đứng trước tình hình khó khăn đó nhưng công ty Du Lịch Quốc Tế Đông Á vẫn không ngừng phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đảm bảo đời sống cho công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước.

Tầm nhìn:

Hoạt động du lịch ngày nay trở lên gần gũi và phổ biến hơn do sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin, việc lựa chọn điểm đến, các loại hình dịch vụ, phương thức thanh toán ngày càng dễ dàng và thuận tiện hơn cho du khách. Công ty du lịch không chỉ đóng vai trò là người tổ chức, tổng hợp dịch vụ mà còn là sứ giả văn hóa, là đại diện cho điểm đến, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương. Với nhận định đó du lịch Quốc Tế Đông Á xác định mục tiêu trở thành nơi kết nối giữa khách hàng và điểm đến, phát triển du lịch xanh, du lịch văn hóa gắn với sự phát triển bền vững của điểm đến.

Sứ mệnh của đơn vị:

Đưa hoạt động lĩnh hành trở lên đơn giản và gần gũi hơn với du khách và điểm đến

Nâng cao nhận biết của du khách về điểm đến

Hỗ trợ thông tin cho du khách

Phương châm hoạt động của công ty:

Con người là trung tâm:

Du lịch Quốc Tế Đông Á lấy con người là trung tâm của mọi hoạt động, chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng công việc cho đội ngũ nhân viên, các nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng.

Đổi mới:

Mọi đóng góp giúp cho sự phát triển của công ty và làm công ty tốt hơn đều được chào đón. Chúng tôi không ngại thực hiện cải tiến cho dù việc cải tiến có thể làm thay đổi mọi hoạt động của công ty và cần nhiều nguồn lực để thực hiện, miễn sao việc cải tiến đó phù hợp cho sự phát triển của công ty.

Sản phẩm:

Khách hàng là trung tâm, mọi sản phẩm tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu theo định hướng do vậy chúng tôi cố gắng tối ưu hóa sản phẩm của mình, tạo ra các sản phẩm linh hoạt, đưa sản phẩm trở lên gắn bó với thiên nhiên, môi trường và văn hóa điểm đến hơn. Cải tiến sản phẩm là một quá trình liên tục và được lặp lại nhiều lần.

2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty Du Lịch Quốc Tế Đông Á chuyên cung cấp các dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế. Ngoài ra công ty còn cung cấp các dịch vụ thương mại khác như:

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện
- Dịch vụ cấp Visa, hộ chiếu
- Dịch vụ đặt phòng khách sạn
- Dịch vụ vé máy bay, tàu hỏa, tàu cao tốc...
- Dịch vụ cho thuê xe từ 4 chỗ đến 45 chỗ
- Dịch vụ vận tải....

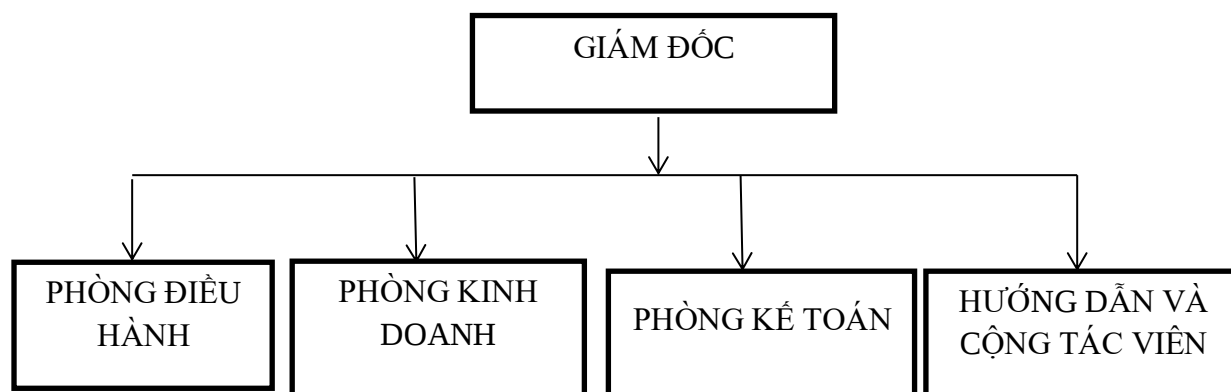
Phương châm hành động của công ty là:

- Luôn mang đến cho khách hàng dịch vụ đúng với yêu cầu
- Luôn chăm sóc, tư vấn khách hàng tận tình chu đáo như ý muốn
- Sát cánh cùng khách hàng để thấu hiểu và hợp tác hiệu quả
- Khởi tạo mối quan hệ hợp tác, tin tưởng, duy trì mối quan hệ bền vững

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

Để đảm bảo tính linh hoạt cao và yêu cầu hoạt động có hiệu quả thì phải tổ chức bộ máy hoạt động với quy mô hợp lý nhất, tối ưu nhất, mọi sai lầm khó khăn trong kinh doanh phải được khắc phục kịp thời. Các phòng ban phải có sự

liên kết hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện các mục tiêu đặt ra. Phương pháp quản lý theo phương pháp trực tuyến. Bộ máy tổ chức được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Cơ cấu tổ chức của công ty bao gồm:

❖ *Giám đốc:*

là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chịu trách nhiệm về quản lý toàn bộ tài sản, lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

❖ *Phòng kinh doanh:*

Đây là phòng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của công ty. Phòng kinh doanh có chức năng nghiên cứu thị trường, hoạch định ra các chiến lược kinh doanh, lập chiến lược và truyền bá thu hút khách du lịch đến với công ty.

Phối hợp với bộ phận điều hành, tiến hành xây dựng các chương trình du lịch từ nội dung đến mức giá, phù hợp với nhu cầu của khách, chủ động trong việc đưa ra những sản phẩm mới cho công ty.

Ký kết hợp đồng với các hãng, các công ty du lịch nước ngoài, các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

❖ *Phòng điều hành:*

Tiến hành các công việc để đảm bảo thực hiện các sản phẩm của công ty.

Triển khai toàn bộ công việc điều hành các chương trình.

Lập kế hoạch triển khai các công việc liên quan đến thực hiện chương trình du lịch như đăng ký chỗ trong khách sạn, visa, vận chuyển....đảm bảo các yêu cầu về thời gian và chất lượng.

Theo dõi quá trình thực hiện các chương trình du lịch, phối hợp với bộ phận kế toán thực hiện các hoạt động thanh toán với các nhà cung cấp du lịch. Nhanh chóng xử lý các trường hợp bất thường xảy ra trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch.

❖ *Phòng tài chính - kế toán:*

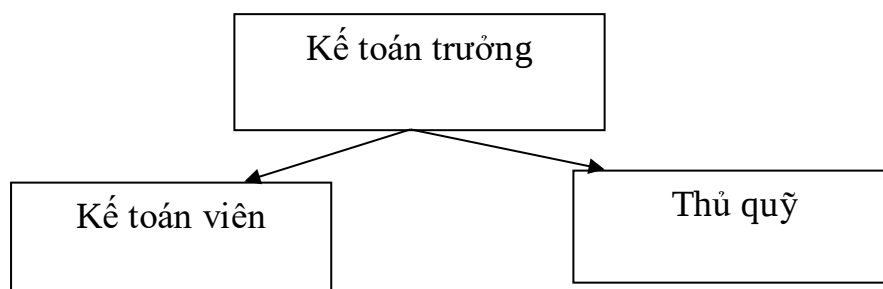
Làm công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ quản lý kinh tế, có trách nhiệm quản lý theo dõi toàn bộ nguồn vốn của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc, thông báo kịp thời cho Giám đốc về tình hình luân chuyển và sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cao; Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng của Nhà nước; Xây dựng kế hoạch Tài chính của Công ty; Quản lý toàn bộ hệ thống kế toán, sổ sách hàng ngày, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; Xác định về tình vốn hiện có của Công ty và sự biến động của các loại tài sản. Trong đó, Kế toán trưởng có nhiệm vụ chỉ đạo nhân viên trong phòng kế toán hạch toán theo đúng chế độ chuẩn mực Nhà nước quy định.

❖ *Hướng dẫn viên:*

Công ty có 32 hướng dẫn viên và 25 công tác viên độ tuổi từ 20 – 40. Về ngoại ngữ các thứ tiếng phổ biến như: Anh, Trung, Nhật...Thời điểm hiện nay công ty vẫn còn thiếu hướng dẫn viên. Công ty vẫn đang có kế hoạch tuyển dụng thêm hướng dẫn viên

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2:Sơ đồ bộ máy kế toán

Kế toán trưởng

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty. Lập Báo cáo tài chính

- Theo dõi doanh thu của hoạt động vận tải và các dịch vụ đi kèm, xác định giá vốn hoạt động vận tải và xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ.

Kế toán viên:

- Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ. Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới. Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của Doanh nghiệp.

- Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người theo quy định.

- Nhận hợp đồng kinh tế của các bộ phận. Kiểm tra nội dung, các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến điều khoản thanh toán. Vào mã hợp đồng trong Phần mềm quản lý Tài chính kế toán để theo từng hợp đồng của từng khách hàng.

Thủ quỹ

- Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phản thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán tiền mặt.

- Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- *Niên độ kế toán* bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- *Đơn vị tiền tệ* sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- *Phương pháp khấu hao*: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- *Phương pháp tính thuế GTGT*: theo phương pháp khấu trừ.
- *Phương pháp tính giá xuất kho*: Theo phương pháp thực tế đích danh.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

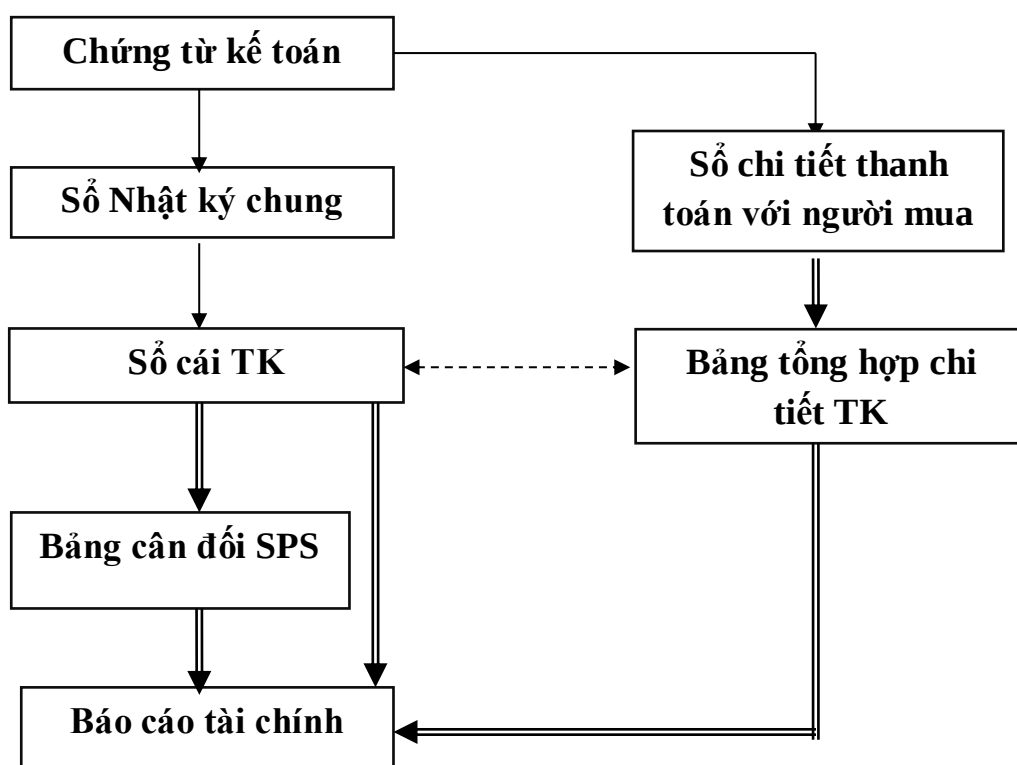
- Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán "Nhật ký chung".

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 511, 515, 111, 112, 131, 331, 632, 911.....

Quy trình hạch toán:

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, kế toán tập hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ gốc, căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào Nhật ký chung, Sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ. Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực thông tin đã nhập trong kì.

Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”. “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên “Bảng cân đối số phát sinh” phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên sổ “Nhật ký chung” cùng kỳ.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ...

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

+ Tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả.

• Đối với người mua: Do công ty hoạt động trong lĩnh vực Tour du lịch là chủ yếu nên khi ký hợp đồng với khách hàng, khách hàng thường phải đặt cọc ngay một tỷ lệ phần trăm nhất định theo quy định. Với những khách hàng là tổ chức, cá nhân giao dịch với công ty có giá trị hợp đồng nhỏ, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay. Đối với những khách hàng là các tổ chức cá nhân giao dịch với giá trị hợp đồng lớn công ty có thể áp dụng phương thức chậm trả một phần.

• Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ. còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng mua nhiều, giá trị lớn công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy từng trường hợp cụ thể.

+ Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên.

- Các khoản thanh toán cho người bán: Đối với những hợp đồng có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên doanh nghiệp áp dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Đối với những hợp đồng có giá trị dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận của hai bên.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

- **Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:**

- *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng kinh tế
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ khác có liên quan

- *Tài khoản sử dụng:*

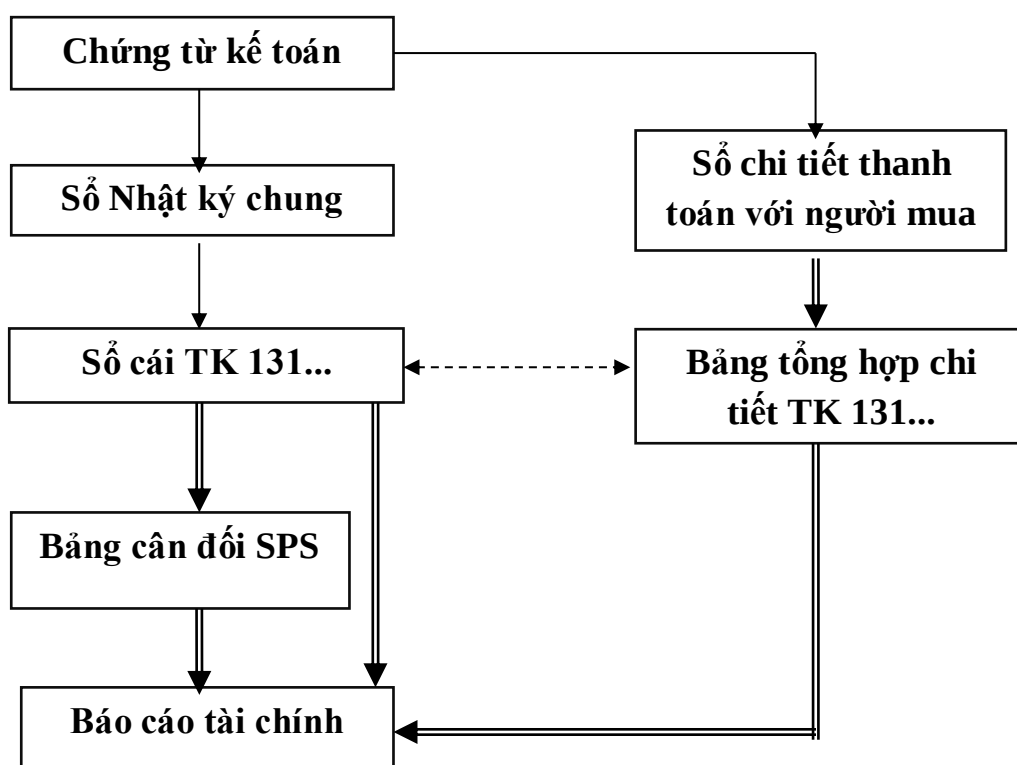
TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan.

- *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

Quy trình hạch toán:

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Ví dụ 1: Ngày 28/05/2017, Công ty TNHH Vân Phong ứng trước tiền theo hợp đồng kinh tế số 611/HĐKT ngày 28/05/2017 cho công ty số tiền là 15.000.000đ bằng tiền mặt.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Vân Phong (biểu số 2.7), sổ quỹ tiền mặt. Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6), sổ cái TK 111.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Vân Phong kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.1: Phiếu thu

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải
Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2017

Số PT 369

Nợ: 111

Có: 131

Họ tên người nộp tiền: Phạm Thu Trang

Địa chỉ: Công ty TNHH Vân Phong

Lý do nộp: Ứng trước tiền Tour Hải Phòng – Quảng Ninh theo hợp đồng kinh tế số
611/HĐKT ngày 28/05/2017.

Số tiền: 15.000.000, *Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 05 năm 2017

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).Mười lăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 2: Ngày 01/06/2017 Công ty CP Thương mại Tuần Châu đặt cọc tiền Tour Hải Phòng – Phú Quốc theo hợp đồng kinh tế số 614/HĐKT ngày 01/06/2017 số tiền là 170.000.000đ bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty CP Thương mại Tuần Châu (biểu số 2.8), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6), sổ cái TK 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở Công ty CP Thương mại Tuần Châu kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng



Số: 1025

Mã GDV: VANDOTHI

Mã KH: 551277

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 01/06/2017

Kính gửi: Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Mã số thuế: 0209957355

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 5520 8

Số tiền bằng số: 170.000.000

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn.*

Nội dung: ##Công ty CP Thương mại Tuấn Châu đặt cọc tiền Tour Hải Phòng – Phú Quốc theo hợp đồng kinh tế số 614/HĐKT ngày 01/06/2017##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 3: Ngày 06/06/2017, theo hóa đơn GTGT số 0001035 công ty Công ty thực hiện Tour Hải Phòng – Quảng Ninh với Công ty TNHH Vân Phong với thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn số 0001035 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.7). Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6), sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 06 tháng 06 năm 2017	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: HM/17P Số: 0001035														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á Mã số thuế: 0209957355 Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng Điện thoại: 0225.3608 552 Số tài khoản:																
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Vân Phong Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> </tr> </table> Địa chỉ: Số 737 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....			0	2	0	0	7	2	5	9	0	0				
0	2	0	0	7	2	5	9	0	0							
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	2	3	4	5	6=5x4											
1	Tour Hải Phòng – Quảng Ninh theo HĐKT số 611/HĐKT ngày 28/05/2017				33.000.000											
Cộng tiền hàng					33.000.000											
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 3.300.000											
Tổng cộng tiền thanh toán					36.300.000											
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi sáu triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn./</i>																
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>												

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 4: Ngày 12/07/2017 công ty thực hiện Tour Hải Phòng – Phú Quốc cho Công ty CP Thương mại Tuần Châu theo HĐ0001059.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001059 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.8). Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.6), sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.9).

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 12 tháng 07 năm 2017	Mẫu số: 01GTTK3/001 Ký hiệu: HM/17P Số: 0001059														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á Mã số thuế: 0209957355 Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng Điện thoại: 0225.3608 552 Số tài khoản:																
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty CP Thương mại Tuấn Châu Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> </tr> </table> Địa chỉ: Số 239 Trần Phú – Ngô Quyền, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....			0	2	0	9	9	5	7	8	9	5				
0	2	0	9	9	5	7	8	9	5							
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	2	3	4	5	6=5x4											
1	Tour Hải Phòng – Phú Quốc theo HDKT số 614 Ngày 01/06/2017				220.500.000											
Cộng tiền hàng					220.500.000											
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 22.050.000											
Tổng cộng tiền thanh toán					242.550.000											
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn hai triệu, năm trăm năm mươi năm nghìn đồng./																
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)												

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
28/05/17	PT 369	28/05/17	Công ty TNHH Vân Phong đặt cọc tour Hải Phòng–Quảng Ninh	111 131	15.000.000	15.000.000
...	...	...	...	...	...	...
01/06/17	GBC 1025	01/06/17	Công ty CP Thương mại Tuần Châu đặt cọc tiền Tour Hải Phòng – Phú Quốc	112 131	170.000.000	170.000.000
...	...	...	...	...	...	...
06/06/17	HD 1035	06/06/17	Tour Hải Phòng – Quảng Ninh cho Công ty TNHH Vân Phong	131 511 333	36.300.000	33.000.000 3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
09/07/17	HD 1054	09/07/17	Tour Hải Phòng – Sapa cho Công ty XNK Bình Minh	131 511 333	73.370.000	66.700.000 6.670.000
...	...	...	...	...	...	...
12/07/17	HD 1059	12/07/17	Tour Hải Phòng–Phú Quốc của Công ty CP Thương mại Tuần Châu	131 511 333	242.550.000	220.500.000 22.050.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		98.890.980.640	98.890.980.640

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.6 : Trích sổ cái tài khoản 131

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		421.556.140	
			...			
28/05/17	PT 369	28/05/17	Công ty TNHH Vân Phong đặt cọc Tour Hải Phòng – Quảng Ninh	111		15.000.000
			...			
01/06/17	GBC 1025	01/06/17	Công ty CP Thương mại Tuấn Châu đặt cọc Tour Hải Phòng – Phú Quốc	112		170.000.000
			...			
06/06/17	HD 1035	06/06/17	Tour Hải Phòng – Quảng Ninh cho Công ty TNHH Vân Phong	511 333	33.000.000 3.300.000	
			...			
09/07/17	HD 1054	09/07/17	Tour Hải Phòng – Sapa - Công ty XNK Bình Minh	511 333	66.700.000 6.670.000	
			...			
12/07/17	HD 1059	12/07/17	Tour Hải Phòng – Phú Quốc của Công ty CP Thương mại Tuấn Châu	511 333	220.500.000 22.050.000	
			...			
			Cộng phát sinh năm		18.882.990.551	18.662.629.006
			Số dư cuối năm		641.917.685	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S13 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty TNHH Vân Phong

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				0	
28/05/17	PT 369	28/05/17	Ứng trước tiền theo hợp đồng	111		15.000.000		15.000.000
06/06/17	HĐ 1035	06/06/17	Tour Hải Phòng – Quảng Ninh	511 333	33.000.000 3.300.000		21.300.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		36.300.000	36.300.000		
			Số dư cuối kỳ				0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S13 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
Đối tượng: Công ty CP Thương mại Tuấn Châu
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				0	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/06/17	GBC 1025	01/06	Đặt cọc tiền tour đi Phú Quốc	112		170.000.000		170.000.000
12/07/17	HD 1035	12/07/ 17	Tour Hải Phòng – Phú Quốc	511 333	220.500.000 22.050.000		72.550.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		242.550.000	242.550.000		
			Số dư cuối kỳ				0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
06	Công ty TNHH Vân Phong	0		36.300.000	36.300.000	0	
07	Công ty CP Thương mại Tuấn Châu	0		242.550.000	242.550.000	0	
08	Công ty thương mại Thăng Long	-		115.700.600	50.000.000	65.700.600	
..	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	571.556.140	150.000.000	18.882.990.551	18.662.629.006	861.917.685	220.000.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

- **Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng**

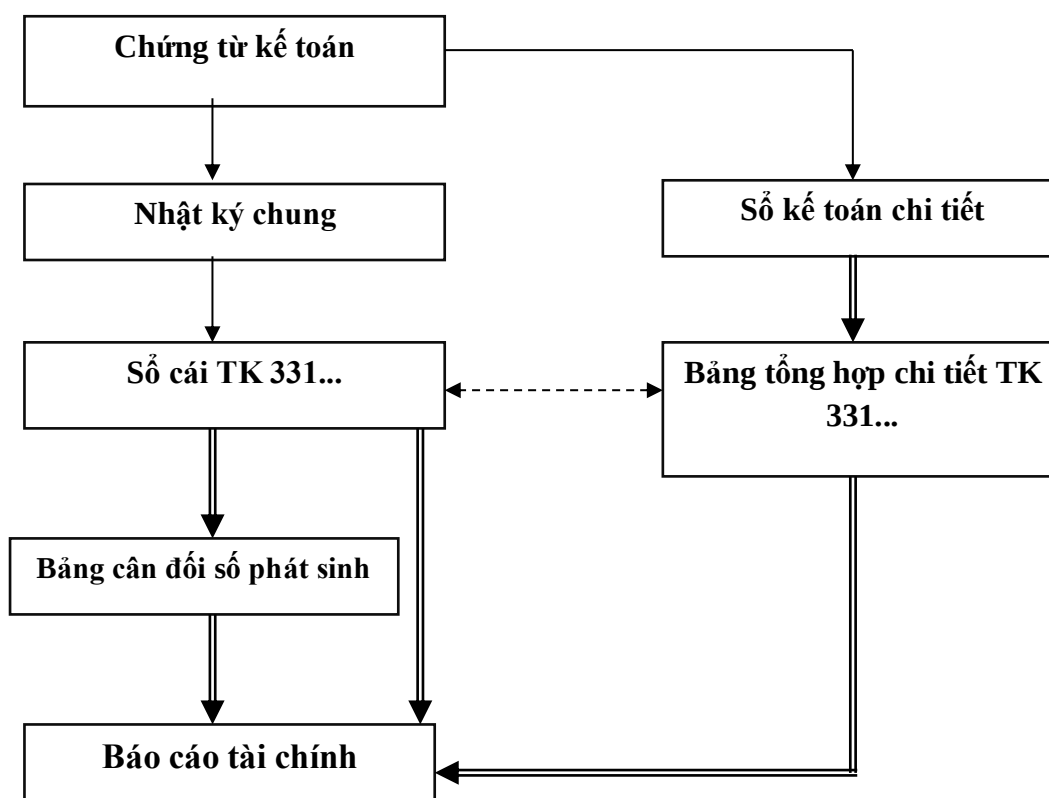
- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
 - + Giấy đề nghị thanh toán
 - + Các chứng từ liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng: TK 331 – *Phải trả người bán*.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 621 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...
- Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:
 - + Nhật ký chung
 - + Sổ chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

- **Quy trình hạch toán**

**Ghi chú:**

- > : Ghi hàng ngày
 =====> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại
Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 621, TK 133,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2017, công ty ứng trước tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco bằng chuyển khoản, số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.18), sổ cái TK 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.10: Giấy báo nợ của ngân hàng



Số: 861

Mã GDV: VANDOTHI

Mã KH: 551277

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 01/12/2017

Kính gửi: Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Mã số thuế: 0209957355

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 5520 8

Số tiền bằng số: 50.000.000

Số tiền bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng chẵn.*

Nội dung: ## ứng trước cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

[illegible]

Ví dụ 2: Ngày 04/12/2017, công ty mua xăng của Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco theo hóa đơn GTGT số 0001956.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0001956 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19). Căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.18), sổ cái TK 621, sổ cái TK133

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 2: Giao khách hàng				Ký hiệu: AB/17P															
Ngày 04 tháng 12 năm 2017				Số: 0001956															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO																			
Mã số thuế: 0200718004																			
Địa chỉ: Số 37 - Phan Bội Châu - Quang Trung - Hồng Bàng - Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 58907899																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	9	9	5	7	3	5	5				
0	2	0	9	9	5	7	3	5	5										
Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM/CK.....Số tài khoản:.....																			
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Xăng A92	Lít	3.470	19.150	66.450.000														
Cộng tiền hàng					66.450.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		6.645.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					73.095.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy mươi ba triệu, không trăm chín năm nghìn đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 3: Ngày 10/12/2017, Thuê Công ty TNHH Minh Anh sửa ô tô theo hóa đơn GTGT số 0000453, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000453 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20). Căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.18), sổ cái TK 627, sổ cái TK 133.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT số 0000453

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: TM/17P															
Ngày 10 tháng 12 năm 2017		Số: 000453															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Anh																	
Mã số thuế: 02015987032																	
Địa chỉ: Số 641 – Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – Hải Phòng																	
Điện thoại: 0225 2389979																	
Số tài khoản:																	
Họ tên người mua hàng:																	
Tên đơn vị: Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á																	
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>				0	2	0	9	9	5	7	3	5	5				
0	2	0	9	9	5	7	3	5	5								
Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng																	
Hình thức thanh toán: CK/TM...Số tài khoản:.....																	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
1	2	3	4	5	6=5x4												
1	Sơn xe BK15A-191.44				12.000.000												
2	Tháo lắp hộp số				1.800.000												
3	Thay phụ kiện nội thất				10.700.000												
4	Công				2.000.000												
Cộng tiền hàng					26.500.000												
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 2.650.000												
Tổng cộng tiền thanh toán					29.150.000												
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng																	
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 4: Ngày 22/12/2017. Thanh toán tiền sửa xe cho Công ty TNHH Minh Anh với số tiền 15.000.000đ, bằng tiền mặt.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.25), sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), sổ cái TK 111.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.26).

Biểu số 2.14: Phiếu chi tiền

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải
Phòng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Số: 815

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Đoàn Văn Hồng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa xe

Số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ) Mười lăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).Mười lăm triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Ví dụ 5: Ngày 28/12/2017, công ty thanh toán 140.000.000đồng cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.18), sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng



Số: 921

Mã GDV: VANDOTHI

Mã KH: 551277

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 28/12/2017

Kính gửi: CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á

Mã số thuế: 0209957355

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 5520 8

Số tiền bằng số: 140.000.000

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.16: Ủy nhiệm chi

		ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số: 921 Ngày: 28/12/2017
Số tiền: 140.000.000		VNĐ		Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài
Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco.				
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á Applicant: Số CMND: Ngày cấp: - Nơi cấp: Số tài khoản: 0531 0088 5520 8 Tại NH: Vietcombank Hải Phòng		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco. Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0531 3097 8098 9 Tại NH: Vietcombank Hải Phòng		
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN Giao dịch viên Giao dịch viên				

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...	...		
01/12/17	BN 861	01/12/17	Ứng trước tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	331 112	50.000.000	50.000.000
			...	...		
04/12/17	HD 1956	04/12/17	Mua xăng của Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	621 133 331	66.450.000 6.645.000	73.095.000
			...	...		
10/12/17	HD 0453	10/12/17	TT tiền sửa xe, thay lốp... cho Công ty TNHH Minh Anh	627 133 331	26.500.000 2.650.000	29.150.000
			..	...		
22/12/17	PC 815	22/12/17	Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Minh Anh	331 111	15.000.000	15.000.000
			...	...		
28/12/17	BN 921	28/12/17	Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	331 112	140.000.000	140.000.000
			...	...		
			Cộng phát sinh		98.890.980.640	98.890.980.640

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			1.557.882.730
			...			
01/12/ 17	BN 861	01/12/ 17	Ứng trước tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	112	50.000.000	
			...			
04/12/ 17	HD 1956	04/12/ 17	Mua xăng của Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	621 133		66.450.000 6.645.000
			...			
10/12/ 17	HD 453	10/12/ 17	TT tiền sửa xe, thay lốp... cho Công ty TNHH Minh Anh	627 133		26.500.000 2.650.000
			..			
22/12/ 17	PC 815	22/12/ 17	Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Minh Anh	111	15.000.000	
			...			
28/12/ 17	BN 921	28/12/ 17	Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	112	140.000.000	
			...			
			Cộng phát sinh năm		8.445.030.240	8.523.771.920
			Số dư cuối kỳ			1.636.624.410

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán**Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á****Mẫu số S13 - DN**

Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					443.812.500
			...					
01/12/17	BN 861	01/12/17	Cty ứng trước tiền	112	50.000.000		50.000.000	
			...					
04/12/17	HĐ 1956	04/12/17	Công ty mua xăng	621 133		66.450.000 6.645.000		188.992.450
			...					
28/12/17	BN 921	28/12/17	Thanh toán tiền	112	140.000.000			66.340.400
			...					
			Cộng số phát sinh		2.523.210.500	2.610.632.800		
			Số dư cuối kỳ					531.234.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S13 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán Đối tượng: Công ty TNHH Minh Anh
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					57.103.500
			...					
10/12/17	HĐ 453	10/12/17	Công ty thuê sửa chữa	627 133		26.500.000 2.650.000		156.980.000
			...					
22/12/17	PC 815	22/12/17	Công ty trả tiền nợ	111	15.000.000			46.750.000
			...					
			Cộng số phát sinh		640.130.000	760.056.500		
			Số dư cuối kỳ					177.030.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

Biểu số 2.21: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á
Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2017*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
3	Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco		443.812.500	2.523.210.500	2.610.632.800		531.234.800
	...						
7	Công ty TNHH Minh Anh		57.103.500	640.130.000	760.056.500		177.030.000
	...						
	Cộng		1.557.882.730	8.445.030.240	8.523.771.920		1.636.624.410

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017***Người lập***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY DU LỊCH QUỐC TẾ ĐÔNG Á

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á.

Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á là một trong những doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Để có thể đứng vững trên thị trường hiện nay công ty đã luôn nỗ lực, chủ động trong việc tạo các mối quan hệ cũng như mở rộng kinh doanh của mình. Do đó hiện nay công ty đã có nhiều bạn hàng, đối tác kinh doanh hơn với lượng giao dịch ngày càng nhiều thêm. Vì vậy, công tác kế toán thanh toán, đối chiếu công nợ với người mua, người bán của công ty càng được coi trọng và hoàn thiện hơn. Doanh nghiệp sẽ luôn quản lý tốt được tình hình tài chính của mình, tránh gặp phải những rủi ro cũng như nợ xấu nếu quản lý tốt công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Trong suốt quá trình thực tập, đi sâu tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á, em nhận thấy được những ưu điểm cũng như những hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng. Đây là điều cần thiết để kế toán có thể phát huy những ưu điểm và tìm cách khắc phục những hạn chế giúp cho việc quản lý tài chính của công ty đạt được hiệu quả tối đa.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán.*

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán. Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ *Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, hệ thống tài khoản và báo cáo tài chính:*

+ Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết...). Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

❖ *Công tác kế toán thanh toán các khoản nợ phải trả và thu hồi công nợ:*

+ Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty

để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công nợ phải thu khách hàng của Công ty không lớn vì khi khách hàng ký hợp đồng giao dịch với công ty thì phải đặt trước tiền và khi thực hiện tour thì khách hàng thanh toán nốt phần còn thiếu. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động vẫn còn những khách hàng không thực hiện theo đúng cam kết dẫn đến nợ dây dưa kéo dài. Mặc dù vậy Công ty vẫn chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh, thậm chí có cả khoản nợ được xác định là không đòi được (biểu số 3.1). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được phát sinh trong tương lai. Các khoản nợ không đòi được không được xóa sổ sẽ không phản ánh đúng tình hình tài chính của đơn vị.

Thứ hai, Về công tác ghi chép sổ sách kế toán tại đơn vị.

Công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

Thứ ba, Về công tác thu hồi nợ

Đối với các khoản nợ thì công ty chưa có biện pháp hữu hiệu để thu hồi nợ đúng hạn. Vốn của công ty bị bạn hàng chiếm dụng trong khi doanh nghiệp lại thiếu vốn phải huy động bên ngoài. Công tác đối chiếu công nợ để thu hồi vốn chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ tư, Về công tác thanh toán cho người bán.

Công ty có nhiều hoạt động mua hàng của những công ty khác, số tiền nợ người bán tương đối lớn, nhiều khoản thanh toán với người cung cấp chưa trả đúng hạn, chậm trả, điều này làm giảm uy tín của công ty với các đối tác.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU****ĐẾN NGÀY 31/12/2017**

TT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty Cổ Phần Bình An	43.132.550			43.132.550	
..	...	...	...	...	...	...
7	Công ty TNHH Thái Hải	152.912.100	152.912.100			
...	...	...	...			
9	Ông Bùi Văn Dũng	5.212.330				5.212.330
...		...	...	...	...	...
	Tổng cộng	861.917.685	340.143.995	253.201.295	213.360.065	55.432.330

Hải phòng, ngàyThángNăm

Người lập

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á)

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Để đạt được mục tiêu đó Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau thì mới đạt hiệu quả cao :

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn.

- Hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán. Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định.

3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á

Trong quá trình thực tập tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán tại công ty như sau:

❖ Giải pháp 1: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hiện nay, Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

* *Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

** Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

** Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

** Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm tài chính N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2017 được thể hiện trong bảng sau:

Biểu số 3.2: Bảng phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**Đơn vị: Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á**

Địa chỉ: Số 38C/37 Trục Cát, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI*Tại ngày 31/12/2017*

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần ACR	45.132.550	1 năm 2tháng 15 ngày	50%	23.566.275
2	Công ty vận tải Quang Doanh	51.540.080	7 tháng 20 ngày	30%	15.462.240
...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	213.360.065	x	x	96.650.340

*Ngày ... tháng ... năm ...***Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi (Biểu 3.1) được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2017: 55.432.330 đồng, công ty cần làm các thủ tục cần thiết để xóa nợ. Khi xóa nợ, kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 55.432.330

Có TK 131: 55.432.330

- Số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2017 cho khoản nợ quá hạn (Biểu 3.2) là: 96.550.340 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 96.650.340

Có TK 229(3) : 96.650.340

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

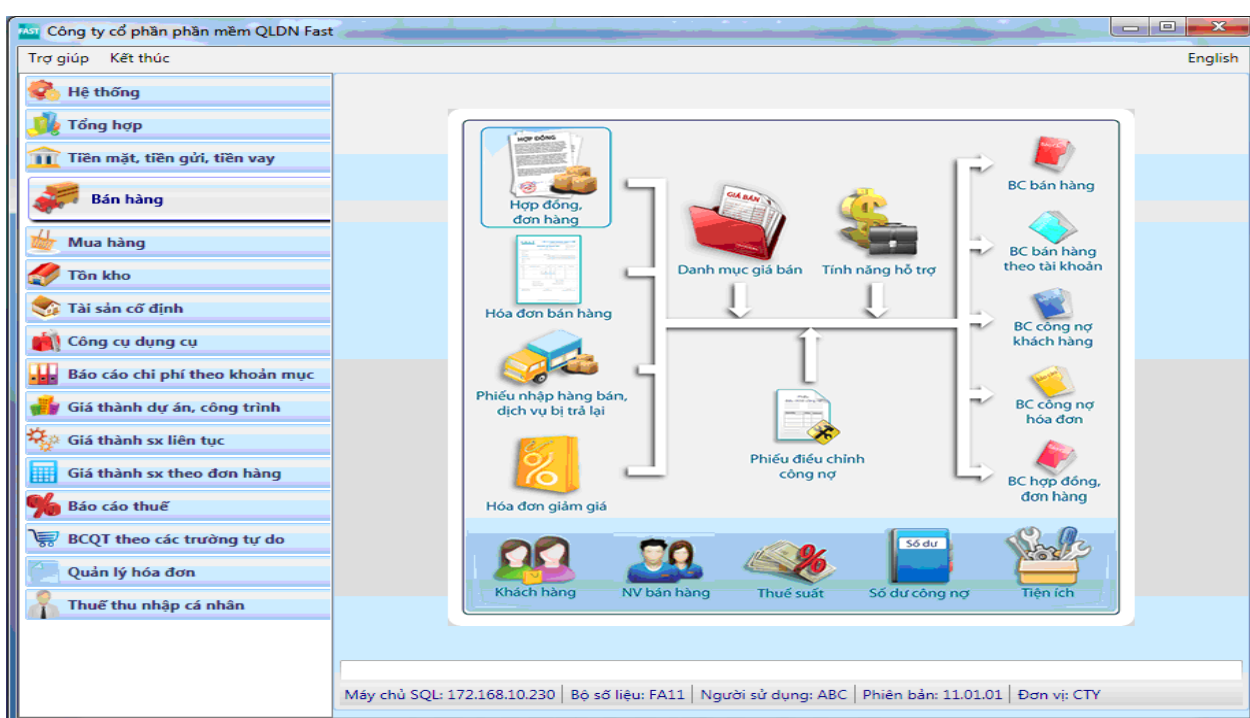
❖ Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

Dưới đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart

*** Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>

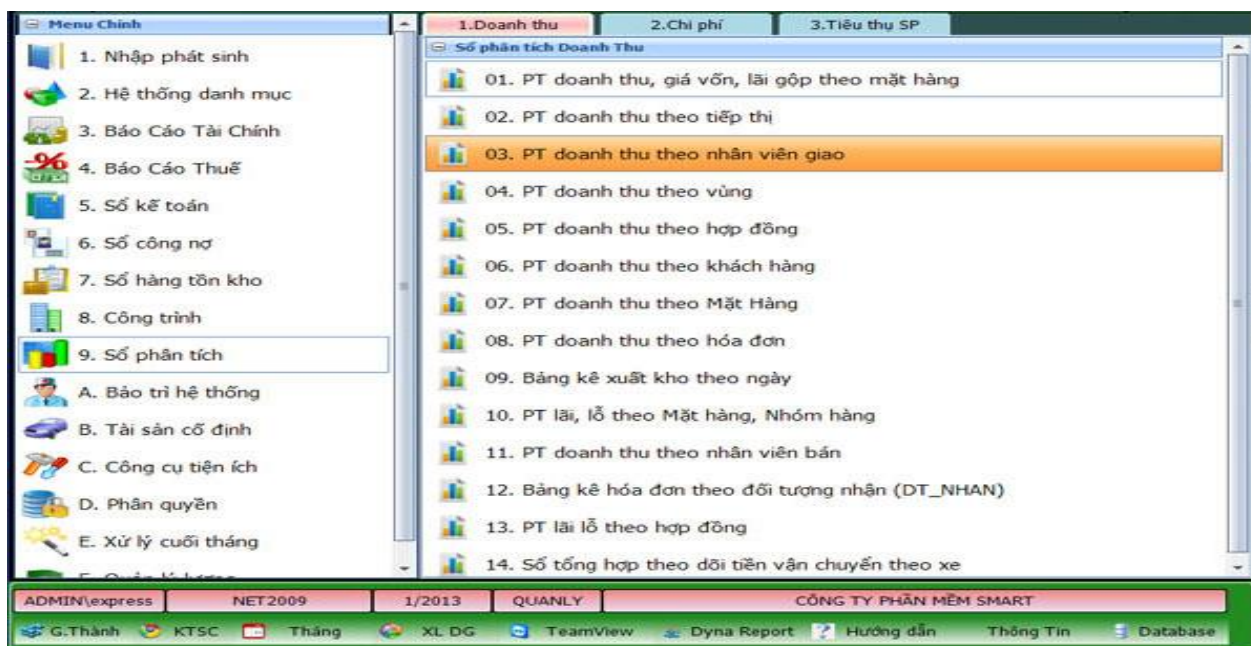


Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp .

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

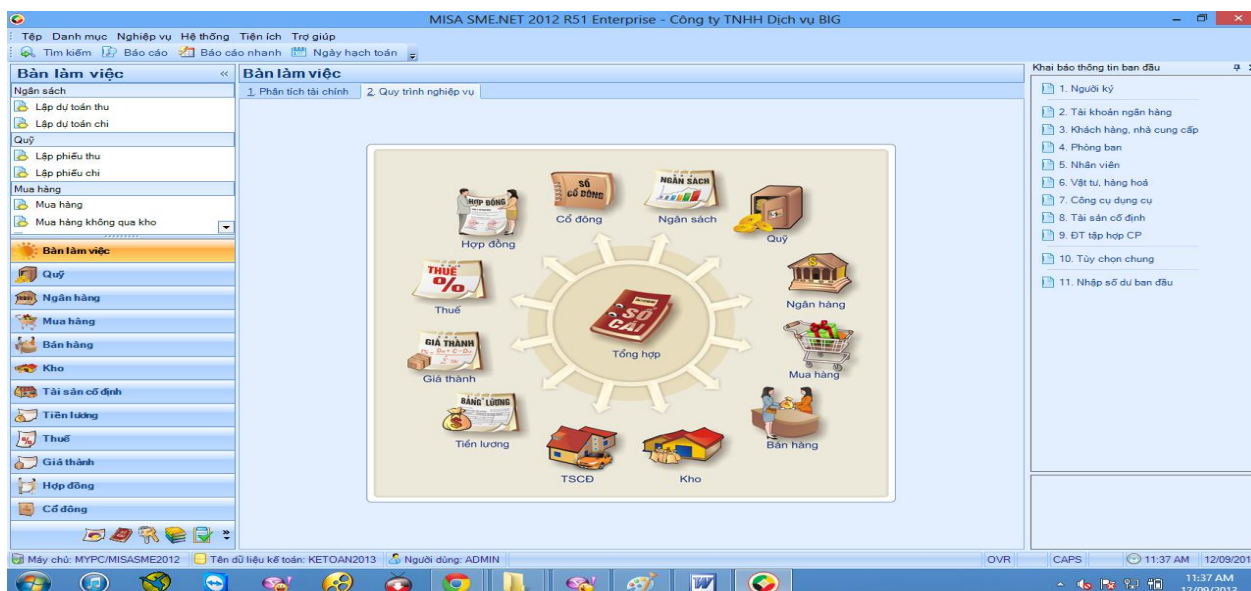
Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

* Phần mềm kế toán Smart: <http://www.smart.com.vn/>



Smart Pro phù hợp với các loại hình doanh nghiệp. Đối với các công ty, cá nhân làm dịch vụ kế toán thì Smart Pro hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty không giới hạn, mỗi công ty là 1 Database độc lập, không giới hạn số lượng chứng từ nhập.

*Phần mềm kế toán MISA : <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

❖ Giải pháp 3: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.*

Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Điều này sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:

Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Vietcombank tại ngày 31/12/2017 là 5.6% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,8%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Chiết khấu 0,7%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, giúp cho công ty thu hồi được vốn nhanh hơn.

- *Đối chiếu công nợ định kì của doanh nghiệp*

Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn.

Công ty phải thường xuyên đối chiếu công nợ vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

....., ngày...tháng...năm....

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.

- Căn cứ vào thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày.... tháng.....năm.... Tại văn phòng Công ty, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên mua):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện: Chức vụ:

2. Bên B (Bên bán):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau đối chiếu khối lượng và giá trị cụ thể như sau:

1. Công nợ đầu kỳ: ... đồng

2. Số phát sinh trong kỳ:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng				

3. Số tiền bên A đã thanh toán: đồng

4. **Kết luận:** Tính đến hết ngày..... bên A phải thanh toán cho bên B số tiền là:

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà bên B không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

❖ ***Giải pháp thứ 4: Về thanh toán cho người bán đúng hạn.***

Các khoản nợ phải trả người bán nhìn chung đã được công ty thanh toán đúng hạn. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh những khoản nợ mà công ty chưa thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp do công ty còn gặp khó khăn về vốn. Khoản nợ quá hạn này làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty trong quan hệ thanh toán.

Vì vậy, công ty cần xây dựng kế hoạch trả nợ chi tiết cho từng nhà cung cấp. Muốn thực hiện được kế hoạch trả nợ thì Công ty cần xây dựng được kế hoạch về vốn để thanh toán kịp thời, đúng hạn cho nhà cung cấp trong trường hợp đến hạn thanh toán.

Nếu công ty làm được điều này sẽ làm tăng uy tín của mình đối với các nhà cung cấp, tạo niềm tin đối với các đối tác làm ăn với doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy (cô) giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **ThS. Nguyễn Văn Thụ** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty Du lịch Quốc tế Đông Á (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên internet.